

Bản án số: 12/2022/DS-ST
Ngày: 06-7-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giáp.

Bà Lê Thị Thanh Nhã.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Tô Văn Thừa là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2021/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2021, về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2022/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2022/QĐST-DS ngày 13 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng N.

Địa chỉ: Phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng N: Ông Nguyễn Văn N - Chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C Sóc Trăng, văn bản ủy quyền ngày 03 tháng 12 năm 2022 (có mặt).

- ***Bị đơn:*** Ông Trần Văn V, sinh năm 1962 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1961 (vắng mặt);

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 29 tháng 6 năm 2021 của nguyên đơn Ngân hàng N và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có nhu cầu vay vốn để trồng nhãn và tiêu dùng, ông Trần Văn V có ký với Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C Sóc Trăng hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số: 7613LAV202000012 ngày 07/01/2020, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 07/01/2020. Hạn mức tín dụng: 150.000.000 đồng. Mục đích vay là để trồng nhãn và tiêu dùng đời sống. Giấy nhận nợ ngày 07/01/2020 số tiền 100.000.000 đồng, hạn trả ngày 07/01/2021, lãi suất trong hạn 9,5%/năm, lãi suất quá hạn 14,25%/năm. Giấy nhận nợ ngày 07/01/2020 số tiền 50.000.000 đồng, hạn trả ngày 07/01/2021, lãi suất trong hạn 11%/năm, lãi suất quá hạn 16,5%/năm. Đến ngày 07/01/2021, ông Trần Văn V phải trả số tiền gốc 150.000.000 đồng và lãi tính đến ngày 07/01/2021 nhưng đến nay ông Trần Văn V chưa thanh toán gốc và lãi đúng hạn cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C Sóc Trăng.

Tính đến ngày 06/7/2022, ông Trần Văn V còn nợ Ngân hàng N (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) như sau: Số tiền vốn gốc 150.000.000 đồng; lãi trong hạn 37.438.356 đồng; lãi quá hạn 11.354.167 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi: 198.792.523 đồng.

Nay Ngân hàng N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xem xét giải quyết buộc ông Trần Văn V có trách nhiệm hoàn trả hết số nợ gốc và lãi phát sinh tại hợp đồng tín dụng số: 7613LAV202000012 ngày 07/01/2020 cho Ngân hàng tính đến ngày 06/7/2022 như sau: Số tiền vốn gốc 150.000.000 đồng; lãi trong hạn 37.438.356 đồng; lãi quá hạn 11.354.167 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi: 198.792.523 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến ngày ông Trần Văn V trả tất nợ cho Ngân hàng.

Khi cho vay, Ngân hàng có nhận giữ (không có đăng ký thế chấp, giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 971559 do Ủy ban nhân dân huyện L (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông Trần Văn V vào ngày 30/9/1997. Khi ông Trần Văn V trả tất nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng, thì Ngân hàng trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 971559 nêu trên cho ông Trần Văn V.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 02 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Văn V trình bày:

Ông V có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C Sóc Trăng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 07/01/2020. Hạn mức mức tín dụng là: 150.000.000 đồng. Giấy nhận nợ ngày 07/01/2020 số tiền 100.000.000 đồng, hạn trả ngày 07/01/2021, lãi suất trong hạn 9,5%/năm, lãi suất quá hạn 14,25%/năm. Giấy nhận nợ ngày 07/01/2020 số tiền 50.000.000 đồng, hạn trả ngày 07/01/2021, lãi suất trong hạn 11%/năm, lãi suất quá hạn 16,5%/năm. Tính đến ngày 04/4/2022, ông V còn nợ số tiền vốn gốc 150.000.000 đồng; lãi trong hạn 32.705.479 đồng; lãi quá hạn 8.954.861 đồng. Tổng cộng nợ gốc, lãi: 191.660.341 đồng và tiền lãi phát sinh. Khi vay vốn Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C Sóc Trăng có giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 971559 do Ủy ban nhân dân huyện L (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông Trần Văn V vào ngày 30/9/1997. Ông V vay vốn về để phục vụ trồng nhãn, tiêu dùng đời sống gia đình. Nhưng hiện nay hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông V xin Ngân hàng cho ông trả nợ dần như sau:

- Ngày 30/6/2022, trả toàn bộ phần lãi trên số vốn gốc 150.000.000 đồng;
- Ngày 30/6/2023, trả vốn gốc 50.000.000 đồng;
- Ngày 30/6/2024, trả vốn gốc 50.000.000 đồng.
- Ngày 30/6/2025, trả vốn gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh trên phần vốn gốc còn lại.

Khi ông V trả xong nợ cho Ngân hàng, ông V đề nghị Ngân hàng trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 971559 do Ủy ban nhân dân huyện L (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông Trần Văn V vào ngày 30/9/1997 mà ông V đã giao cho Ngân hàng giữ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 02 năm 2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bé T trình bày:

Bà T có ủy quyền cho ông Trần Văn V ký hợp đồng thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 971559 do Ủy ban nhân dân huyện L (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông Trần Văn V vào ngày 30/9/1997. Ông Trần Văn V có vay vốn tại Ngân hàng N - Chi nhánh huyện C Sóc Trăng, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 07/01/2020. Hạn mức mức tín dụng: 150.000.000 đồng. Giấy nhận nợ ngày 07/01/2020 số tiền 100.000.000 đồng, hạn trả ngày 07/01/2021, lãi suất trong hạn 9,5%/năm, lãi suất quá hạn 14,25%/năm. Giấy nhận nợ ngày 07/01/2020 số tiền 50.000.000 đồng, hạn trả ngày 07/01/2021, lãi suất trong hạn 11%/năm, lãi suất quá hạn 16,5%/năm. Tính đến ngày 04/4/2022, ông V còn nợ số tiền vốn gốc 150.000.000 đồng; lãi trong hạn 32.705.479 đồng; lãi quá hạn 8.954.861 đồng. Tổng cộng nợ gốc, lãi: 191.660.341 đồng và tiền lãi phát sinh. Khi vay vốn Ngân hàng có giữ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 971559 do Ủy ban nhân dân huyện L (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông Trần Văn V vào ngày 30/9/1997. Ông V

vay vốn về trồng nhãn và tiêu dùng đời sống gia đình. Hiện nay hoàn cảnh kinh tế khó khăn bà T xin Ngân hàng cho ông V trả dần như sau:

- Ngày 30/6/2022, trả toàn bộ phần lãi trên số vốn gốc 150.000.000 đồng;
- Ngày 30/6/2023, trả vốn gốc 50.000.000 đồng;
- Ngày 30/6/2024, trả vốn gốc 50.000.000 đồng.
- Ngày 30/6/2025, trả vốn gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh trên phần vốn gốc còn lại.

Khi ông V trả xong nợ cho Ngân hàng, bà T đề nghị Ngân hàng trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 971559 do Ủy ban nhân dân huyện L (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông Trần Văn V vào ngày 30/9/1997 mà ông V đã giao cho Ngân hàng giữ.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý vụ án số 116/TB-TLVA ngày 29 tháng 11 năm 2021, tổng đạt hợp lệ cho bà H, nhưng bà H không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ hai lần đối với bà H để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà H vắng mặt không có lý do nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và cũng không có lời khai của bà H trong hồ sơ vụ án.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền nợ vay vốn gốc và lãi suất theo quy định của hợp đồng. Khi ông Trần Văn V trả tất nợ theo hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng, buộc Ngân hàng trả lại cho ông V Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 971559 do Ủy ban nhân dân huyện L (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông Trần Văn V vào ngày 30/9/1997 mà ông V đã giao cho Ngân hàng giữ. Bị đơn là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp tiền án phí sơ thẩm nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn nộp tiền án phí cho bị đơn theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi nộp đơn khởi kiện, Ngân hàng N căn cứ vào hợp đồng tín dụng số: 7613LAV202000012 ngày 07/01/2020, giữa bên cho vay là Ngân hàng N với bên vay ông Trần Văn V, địa chỉ ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Ngân hàng có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng buộc ông Trần Văn V phải trả cho Ngân hàng số tiền vay vốn gốc, lãi suất theo quy định của hợp đồng cho đến khi trả hết nợ. Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho Ngân hàng nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và Ngân hàng đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của Ngân hàng N là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Theo nội dung đơn khởi kiện, nguyên đơn Ngân hàng N yêu cầu ông Trần Văn V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nghĩa vụ trả tất nợ cho Ngân hàng. Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng thay đổi yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu ông Trần Văn V có nghĩa vụ trả tất nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng nêu trong đơn khởi kiện. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.3] Bị đơn ông Trần Văn V và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bé T, bà Trần Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai và vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng, không vì trở ngại khách quan nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Ngân hàng N yêu cầu bị đơn ông Trần Văn V phải trả cho Ngân hàng số tiền vay vốn gốc và lãi suất tính đến ngày 06/7/2022 theo hợp đồng cấp tín dụng số: 7613LAV202000012 ngày 07/01/2020 và 02 giấy nhận nợ cùng ngày 07/01/2020, với số tiền vốn gốc còn nợ: 150.000.000 đồng; lãi trong hạn 37.438.356 đồng; lãi quá hạn 11.354.167 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi: 198.792.523 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng cho đến ngày ông Trần Văn V trả tất nợ cho Ngân hàng. Khi ông Trần Văn V trả tất nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng, thì Ngân hàng trả lại cho ông V Giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số K 971559 do Ủy ban nhân dân huyện L (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông Trần Văn V vào ngày 30/9/1997 do Ngân hàng đã nhận giữ của ông V.

[4] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu ông Trần Văn V trả tiền vay vốn gốc và lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[5] Theo hợp đồng cấp tín dụng số: 7613LAV202000012 ngày 07/01/2020 và tại giấy nhận nợ ngày 07/01/2020, ông Trần Văn V có vay tiền của Ngân hàng với số tiền vốn gốc 100.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay trong hạn 9,5%/năm, lãi suất quá hạn 14,25%/năm; mục đích vay: Trồng nhãn và tại giấy nhận nợ ngày 07/01/2020, ông Trần Văn V có vay tiền của Ngân hàng với số tiền vốn gốc 50.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay trong hạn 11%/năm, lãi suất quá hạn 16,5%/năm; mục đích vay: Tiêu dùng đời sống. Ông Trần Văn V đã nhận đủ số tiền 150.000.000 đồng theo 02 giấy nhận nợ cùng ngày 07/01/2020. Trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng vay, ông V không có trả tiền vốn gốc hay tiền lãi suất cho Ngân hàng. Tính đến ngày 06/7/2022, ông Trần Văn V còn nợ số tiền vay vốn gốc 150.000.000 đồng; lãi trong hạn 37.438.356 đồng $\{(số tiền vốn gốc 100.000.000 đồng, 911 ngày (từ ngày 07/01/2020 đến ngày 06/07/2022) \times 9,5\%/năm) + (số tiền vốn gốc 50.000.000 đồng, 911 ngày (từ ngày 07/01/2020 đến ngày 06/07/2022) \times 11\%/năm)\}$; lãi quá hạn 11.354.167 đồng $\{(số tiền vốn gốc 100.000.000 đồng, 545 ngày (từ ngày 07/01/2021 đến ngày 06/07/2022) \times 4,75\%/năm) + (số tiền vốn gốc 50.000.000 đồng, 545 ngày (từ ngày 07/01/2021 đến ngày 06/07/2022) \times 5,5\%/năm)\}$. Tổng cộng nợ gốc và lãi: 198.792.523 đồng.

[6] Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản lấy lời khai và biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cùng ngày 04/4/2022, bị đơn ông Trần Văn V đã thừa nhận tính đến ngày 04/4/2022, theo hợp đồng tín dụng số: 7613LAV202000012 ngày 07/01/2020 và hai giấy nhận nợ cùng ngày 07/01/2020, ông V còn nợ Ngân hàng số tiền vay vốn gốc 150.000.000 đồng; lãi trong hạn 32.705.479 đồng; lãi quá hạn 8.954.861 đồng. Tổng cộng nợ gốc, lãi: 191.660.341 đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”. Như vậy, Hội đồng xét xử công nhận bị đơn còn nợ Ngân hàng n tính đến ngày 06/7/2022 với số tiền vay vốn gốc 150.000.000 đồng và số tiền lãi phát sinh theo hợp đồng là: lãi trong hạn 37.438.356 đồng; lãi quá hạn 11.354.167 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi: 198.792.523 đồng là sự thật. Tuy nhiên, Ông V xin được trả cho Ngân hàng cho đến ngày 30/6/2025 là dứt nợ nhưng người đại diện của Ngân hàng không đồng ý theo đề nghị của ông V và vấn đề này cũng không thuộc thẩm quyền của Hội đồng xét xử nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông V.

[7] Căn cứ theo khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng quy định “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong

hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật”; theo khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định “Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật” và khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự quy định “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn”; khoản 1 Điều 357 quy định về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì “Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả” và trong hợp đồng tín dụng số: 7613LAV202000012 ngày 07/01/2020 thì hai bên cũng đã thỏa thuận bên vay là ông V có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi suất đầy đủ, đúng hạn. Tuy nhiên trong quá trình thực hiện hợp đồng ông V đã không thực hiện đúng nghĩa vụ như đã cam kết, cụ thể, đến hạn trả nợ, ông V không trả đầy đủ, đúng hạn. Như vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông V trả tiền vốn gốc và lãi suất là có căn cứ. Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này không tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm nên Hội đồng xét xử không áp dụng án lệ để giải quyết vụ án.

[8] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về yêu cầu bị đơn ông Trần Văn V phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền vay vốn gốc 150.000.000 đồng; lãi trong hạn 37.438.356 đồng; lãi quá hạn 11.354.167 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi: 198.792.523 đồng.

[9] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 07/7/2022) bị đơn ông Trần Văn V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trong hạn (nếu có), lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng N thì lãi suất mà ông V phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N.

[10] Khi cho vay, Ngân hàng có nhận giữ (không có đăng ký thế chấp, giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật) bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 971559 do Ủy ban nhân dân huyện L (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông Trần Văn V vào ngày 30/9/1997. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông V yêu cầu Ngân hàng trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ông V khi ông V trả tất nợ cho Ngân hàng và tại phiên tòa người đại diện của Ngân hàng thống nhất với yêu cầu của ông V. Hội đồng xét xử xét thấy, để giải quyết dứt điểm vụ án, thì khi ông V trả tất nợ theo hợp đồng vay cho Ngân hàng, thì Ngân hàng trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 971559 nêu trên cho ông V là không

vi phạm điều cấm của pháp luật nên việc thỏa thuận trên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[11] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Về án phí sơ thẩm:

[12.1] Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bị đơn ông Trần Văn V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 9.939.626 đồng (chín triệu chín trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm hai mươi sáu đồng). Do bị đơn ông Trần Văn V là người cao tuổi và có đơn yêu cầu xin miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 và khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bị đơn ông Trần Văn V được miễn nộp toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[12.2] Nguyên đơn Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.395.000 đồng (bốn triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001719 ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 2 Điều 91 và khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng;
- Khoản 1 Điều 357 và khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự.
- Điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15; khoản 1, 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N về yêu cầu trả số tiền vay vốn gốc, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn đối với bị đơn ông Trần Văn V.

2. Xử buộc bị đơn ông Trần Văn V phải trả cho nguyên đơn Ngân hàng N số tiền vay vốn gốc 150.000.000 đồng, lãi trong hạn 37.438.356 đồng; lãi quá hạn 11.354.167 đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi: 198.792.523 đồng (một trăm chín mươi tám triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn năm trăm hai mươi ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (từ ngày 07/7/2022) bị đơn ông Trần Văn V còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi trong hạn (nếu có), lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng N thì lãi suất mà ông V phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N.

3. Khi ông Trần Văn V thực hiện hoàn tất việc trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng (tất toán hợp đồng), thì Ngân hàng phải có nghĩa vụ giao trả lại cho ông Trần Văn V Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 971559 do Ủy ban nhân dân huyện L (nay là huyện C), tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông Trần Văn V vào ngày 30/9/1997.

4. Về án phí:

4.1. Bị đơn ông Trần Văn V được miễn nộp toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.939.626 đồng (chín triệu chín trăm ba mươi chín nghìn sáu trăm hai mươi sáu đồng).

4.2. Nguyên đơn Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.395.000 đồng (bốn triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001719 ngày 24 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

5. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng
(P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn